TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2021/HNGĐ.ST
Ngày: **05/02/2021**
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng
2. Ông Bùi Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 295/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HN ngày 15/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị S**; sinh năm: 1987. Địa chỉ: 8/4 Khu vực B, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Phạm Thị L** – Công ty Luật TNHH P – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Võ Văn S**; sinh năm: 1986. HKTT: 15B/1 Khu vực B, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: 8/4 Khu vực B, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thâm, nguyên đơn là bà Trần Thị S trình bày*:**

Bà và ông Võ Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi bà sinh con thứ ba vào năm 2018 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông Võ Văn S không có sự tin tưởng đối với bà, thường vô cớ gây chuyện chửi mắng, xúc phạm và đánh đập bà;

mâu thuẫn gay gắt kéo dài đến đầu năm 2020 thì ly thân cho đến nay. Nay tình cảm không còn, bà không thể nào tiếp tục chung sống với ông Võ Văn S được nữa nên yêu cầu xin ly hôn.

- *Về con chung*: có 03 con chung là Võ Thành P (nam) sinh ngày 24/02/2010; Võ Thành Q (nam) sinh ngày 21/6/2013 và Võ Thành Quốc T (nam) sinh ngày 06/3/2018. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi 03 con; không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ*: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Võ Văn S vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: bị đơn là ông Võ Văn S đã biết được bà Trần Thị S gởi đơn xin ly hôn tại Khu vực từ tháng 7/2020 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án từ khi thụ lý cho đến nay, ông S đều được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến và cũng không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại, cho thấy về quan hệ hôn nhân thì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà S thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị S được ly hôn với ông Võ Văn S. Về con chung: có 03 con hiện đang do bà Trần Thị S nuôi dưỡng; bà S yêu cầu tiếp tục nuôi con, còn ông Võ Văn S không thể hiện ý chí muốn nuôi con; hơn nữa, hai con trên 07 tuổi có nguyện vọng sống chung với mẹ; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 03 con cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết. Về nợ: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị S và ông Võ Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc và đã có 03 con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không có sự tin tưởng nên không có sự tôn trọng lẫn nhau; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà Trần Thị S yêu cầu ly hôn, còn ông Võ Văn S mặc dù đã được Tòa án tống đạt các thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến hay thể hiện sự mong muốn hàn

gắn đoàn tụ lại; ngoài ra, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ kiện cho đến nay, ông Võ Văn S vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trần Thị S được ly hôn với ông Võ Văn S là phù hợp.

[3] *Về con chung:*

Có 03 con chung là Võ Thành P (nam) sinh ngày 24/02/2010; Võ Thành Q (nam) sinh ngày 21/6/2013 và Võ Thành Quốc T (nam) sinh ngày 06/3/2018, hiện do bà Trần Thị S đang nuôi dưỡng.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Võ Văn S vắng mặt, không đưa ra văn bản hay thể hiện ý chí, nguyện vọng muốn nuôi con; do đó, để tạo điều kiện cho con phát triển ổn định về mặt tinh thần, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con được thuận tiện; cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị S, giao ba con cho bà Trần Thị S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Do bà Trần Thị S không yêu cầu ông Võ Văn S cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Võ Văn S theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ:*

Do ông Trần Văn S vắng mặt và hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị S phải chịu **300.000đ** án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị S.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: cho bà Trần Thị S được ly hôn với ông Võ Văn S.

2. **Về con chung**:

Có 03 con chung là Võ Thành P (nam) sinh ngày 24/02/2010; Võ Thành Q (nam) sinh ngày 21/6/2013 và Võ Thành Quốc T (nam) sinh ngày 06/3/2018.

Giao ba con cho bà Trần Thị S tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị S không yêu cầu ông Võ Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Võ Văn S theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nợ**: Chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

Bà Trần Thị S phải chịu **300.000đ** án phí về tranh chấp hôn nhân gia nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp **300.000đ** theo biên lai số 006414 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà S đã nộp xong án phí.

5. **Về quyền kháng cáo**:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử Pc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THADS Q. C.
- UBND P. H.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang